

TIẾNG NÓI VÀ CHỮ VIẾT CỦA NGƯỜI VIỆT CỔ

CUNG ĐÌNH THANH

Bài này nhằm trình bày điểm phức tạp nhất của con người Việt cổ là tiếng nói và chữ viết. Người Hoà Bình đã có tiếng nói như thế nào ? Và khi họ tiến vào địa phận nay là Trung Hoa thì họ đã đem tiếng nói đó đóng góp thế nào trong sự phát triển tiếng nói và nhất là đã đóng góp gì trong việc hình thành chữ viết tại Trung Hoa ?

Thực sự đây là vấn đề phức tạp, thuộc lãnh vực chuyên môn của các nhà ngôn ngữ học. Nhưng người viết lại không thể không đề cập đến bởi vấn đề tiếng nói dính liền với con người.

Muốn tìm hiểu con người thì không thể không tìm hiểu tiếng nói của họ và ngược lại tìm hiểu tiếng nói tức là biết được gốc tích của con người : tiếng nói là một đặc điểm của con người. Chỉ có con người mới có ngôn ngữ. Ta có thể nói tiếng nói hay ngôn ngữ là vấn đề thiên phú chỉ riêng cho con người mà không động vật nào khác có được. Theo cách dùng rộng rãi, người ta có thể nói ngôn ngữ của tình yêu, của hoa hồng hay của loài cá voi. Nhưng nói như vậy nếu không là thậm xưng thì cũng mang nặng tính lãng mạng thì phủ bởi như trên đã nói, ngôn ngữ là một thiên phú được dành riêng cho con người. Điểm này sẽ được trình bày rõ hơn ở phần dưới đây. Nếu nói cho đúng thì cái gọi là ngôn ngữ của tình yêu hay của loài cá voi thực sự phải hiểu đó chỉ là một hình thức truyền đạt ý tưởng theo cách nào đó chứ không hẳn đó là một ngôn ngữ đúng theo nghĩa của danh từ này.

Người ta khi kiên trì học hỏi thì có thể nói bất cứ ngôn ngữ nào. Như vậy nếu chúng ta nói một ngôn ngữ khác không được hay không đúng chỉ bởi chúng ta không có thói quen nói thứ tiếng đó vì một số cơ bắp ở cổ, ở lưỡi, ở môi bị điều kiện hoá đi mà thôi.

Đến đây ta phải phân biệt ngôn ngữ với văn tự là dùng một ký hiệu nào để ghi lại ngôn ngữ thành văn bản.

Ngày nay chúng ta có những phương tiện để ghi lại tiếng nói như máy ghi âm. Nhưng ngày xưa ngôn ngữ nói thì bay đi, chỉ có văn tự là giữ lại được cái ý mà người ta nói ra để truyền lại cho đời sau. Do đó văn tự rất quan trọng. Có thể nói, từ khi phát minh ra văn tự, nhân loại đã tiến bộ bằng đôi hia bấy dậm và dân tộc nào làm chủ được văn tự ở khu vực nào, dân tộc ấy làm chủ nền văn minh cả khu vực đó. Có cần phải nhấn mạnh rằng ngôn ngữ của con người càng về sau càng phân biệt mà cho đến nay đã có trên 4.000 tiếng nói khác nhau của nhiều dân tộc khác nhau. Nhưng cho đến nay chỉ có 300 chữ viết. Trong khoảng 300 loại văn tự này, số văn tự được sáng chế ra từ thời thượng cổ nghĩa là vào khoảng 2.000 năm về trước, chỉ đếm trên đầu ngón tay. Xin nói thêm người Hoà Bình là người đã xuất hiện từ 10.000 năm trở về trước.

Câu hỏi đặt ra là người Hoà Bình nói chung và người Việt thời cổ nói riêng, ngôn ngữ của họ thuộc ngữ hệ nào ?

Muốn trả lời câu hỏi này ta phải định rõ nước Việt là một nước thuộc vùng Đông Nam Á. Châu Những điều người viết trình bày sau đây là mượn của những học giả nghiên cứu về ngữ hệ nổi tiếng từ xưa đến nay tại vùng Đông Nam Á và nói chung cả vùng Á Châu nữa. Cũng phải nói thêm, tuy ngôn ngữ nay có trên 4.000 thứ tiếng khác nhau, nhưng người ta qui nó thuộc một trong bốn .Gia Đình. chính là Indo-European, Afro-Asiatic, Sino-Tibetan và Austronesian.

Gọi .Gia Đình. (Families) hay họ vì những tiếng thành viên của gia đình ấy cùng thuộc một nguồn gốc. Người ta lập bảng khoảng 200 từ (nay thu lại 100) gồm những từ thông thường nhất kể từ khi con người bắt đầu tập nói. Nếu những bảng này có những từ giống nhau, người ta cho chúng thuộc một họ, một .gia đình.. Nếu sự giống nhau này nhiều (trên 70% chẳng hạn) có nghĩa là hai ngôn ngữ này có họ gần với nhau, hai chủng tộc này mới chia tách ra chưa lâu. Nếu hai ngôn ngữ này chỉ có ít từ giống nhau (dưới 50% chẳng hạn) có nghĩa là hai ngôn ngữ này họ xa, hai chủng tộc đã phân tách theo di truyền DNA từ lâu rồi.

CÁC HỌC THUYẾT VỀ TIẾNG NÓI TẠI VÙNG ĐÔNG NAM Á

Các học giả Tây phương, tuy chưa có sự thống nhất ý kiến, nhưng căn cứ vào những ý kiến nổi trội nhất, đã chia tiếng nói ấy ở vùng Đông Nam Á ra bốn ngôn ngữ chính như sau: 1 - Thứ nhất là ngôn

ngữ Nam Đảo (Austronesian), theo các nhà ngôn ngữ học thì ngôn ngữ này được phân bố từ đảo Hạ-ÚyĐi ở phía Đông đến tận đảo Madagasca ở phía Tây, bao gồm cả Đài Loan nhưng không bao gồm phần chính lục địa Trung Hoa ngày nay Tiếng Nam Đảo chia ra làm Nam Đảo Bắc đi qua Đài Loan là chính để vào phía Nam Trung Hoa, Nam Đảo Tây Nam đi qua Indonesia và cả Phi nữa, và Nam Đảo Đông gồm tất cả các đảo phía Đông Nam Thái Bình Dương Nhà bác học Peter Bellwood, trong một bài tham luận đăng trong Scientific American, tháng 7/1991 cho rằng ngôn ngữ Nam Đảo (Austronesian) là tiếng nói phát triển nhanh nhất và rộng lớn nhất thời tiền sử trải dài trên 10.000 cây số dọc các hải đảo và bờ biển, và là tiếng nói do dân tộc lầy canh nông làm chính.

2 - Thứ nhì là tiếng Nam Á (Austroasiatic), cũng có học giả còn gọi đây là tiếng Mon-Khmer. Tiếng này được phân bố từ ven biển lưu vực sông Hoàng Hà, bán đảo Sơn Đông dọc theo bờ biển Nam Trung Hoa xuống Giang Tô, Triết Giang, Phúc Kiến, Quảng Đông và vào địa phận của Bắc phần Việt Nam cho đến Trung phần Việt Nam, ngày xưa là Giao Chỉ, Cửu Chân Nguồn gốc của nó bao gồm cả những tiếng địa phương như tiếng Môn, trước là người ở Miến Điện, tiếng Khmer mà bây giờ đại diện chính là ở nước Cambodia, tiếng Việt, tiếng Mường và tiếng của các bộ lạc ở Đông Nam Á nữa như Balaung, tiếng Oar ở Trung Hoa, tiếng Munda ở Ấn Độ, tiếng của các dân tộc hải đảo phía Nam ...

3 - Thứ ba là tiếng Tày Thái (Tai-Kadai), được phân bố chính ở lưu vực sông Dương Tử từ phía Nam tỉnh Hồ Nam xuống vùng Quảng Tây, Quý Châu, Vân Nam và vào cả Bắc Việt Nam nữa, phía Đông ra đảo Hải Nam Tiếng này đại diện chính là hai dân tộc Thái và Lào ở hai quốc gia độc lập Thái, Lào bây giờ và nhiều tộc người ở xen kẽ phía Nam Trung Hoa cho đến Bắc phần Việt Nam

4 - Ngoài ra còn một thứ tiếng ảnh hưởng rất lớn cho các cư dân ở những quốc gia không riêng vùng Đông Nam Á và cả Á Châu là tiếng Miến Tạng (Tibeto-Burman). Bây giờ người ta không gọi là Miến Tạng nữa mà gọi là Hán Tạng (Sino-Tibetan). Tiếng Hán mới được biết đến nhiều chỉ gần đây thời Thái Cổ chưa có thứ tiếng gọi là tiếng Hán.

Tiếng này cổ thời chỉ được nói ở vùng Thiểm Tây, phía Bắc Tứ Xuyên Cùng với sự bành trướng của đế quốc Tần rồi Hán, tiếng Hán Tạng ngày nay được hiểu là ngôn ngữ của người Trung Hoa

Trong bấy nhiêu ngữ hệ, tiếng nói của người Việt hay rõ hơn người Việt thời Thái Cổ, người Hoà Bình đã thuộc ngữ

hệ nào ? Câu trả lời của các học giả không giống nhau và chính các học giả này cũng tùy thời mà thay đổi ý kiến của mình nữa Đây là vấn đề hết sức phức tạp. Để đơn giản hoá, ta có thể tóm lược các ý kiến đó theo thời gian một cách vắn tắt như sau :

Trước hết, vào khoảng thế kỷ XIX, có lẽ học giả James Logan là người đầu tiên đã cho rằng tiếng nói của người Việt thuộc ngữ hệ Nam Á mà sau ông gọi là Môn-Kmer tức là thuộc ngữ hệ Austroasiatic. Hồi đó J. Logan gọi là Môn-Anam (James Logan 1852). Đến đầu thế kỷ thứ XX, nhà học giả Maspéro (1912) lại xếp tiếng Việt vào ngữ hệ Tày Thái (Tai-Kadai). Vì ông là một học giả lớn nên ý kiến của ông đã một thời ảnh hưởng rất quan trọng đến các học giả khác.

Lấy một thí dụ : học giả W. Schmidt năm 1905 đã xếp tiếng Việt thuộc ngữ hệ Môn-Khmer như J. Logan, nhưng rồi sau khi sách được tái xuất bản, bị ảnh hưởng của Maspéro, ông đã đổi lại ý kiến và cho rằng tiếng Việt thuộc ngữ hệ Tày Thái (1956).

Vào khoảng giữa thế kỷ XX, nhà học giả Andre G. Haudricourt, trong những năm 52, 53, 54, 55 lại xếp tiếng Việt thuộc ngữ hệ Nam Á (Austro-Asiatic) và vì ông rất kiên trì bảo vệ ý kiến của mình trong nhiều tác phẩm liên tiếp nhau suốt nhiều năm, nên ý kiến này đã một thời có ảnh hưởng đến nhiều học giả viết về ngôn ngữ và con người Việt Nam

Vào thời đó nước Việt còn bị Pháp đô hộ nên tiếng Việt không được nhắc đến trong những tác phẩm khảo cổ và coi như không có vai trò quan trọng gì trong tiến trình phát triển văn hoá của vùng Đông Nam Á nói riêng và vùng Nam Á Châu nói chung Như trước đây đã nói, trước kia người ta cho rằng dân tộc xây dựng phát triển vùng Nam Trung Hoa là dân tộc Thái (xin xem Andréas Lomel - Bài .Nguồn gốc dân tộc Việt Nam, TS Tư Tưởng số 2 tháng 4/1999). Cũng theo chiều hướng đó những nhà nghiên cứu ngữ học cho rằng tiếng Tày Thái mới là tiếng đã từng một thời là ngôn ngữ lãnh đạo của vùng Đông Nam Á và vùng Nam Á Châu (Paul Benedict 1942). Chỉ gần đây người ta mới đi đến kết luận là không phải dân tộc Tiền Thái (Promothai) hay là tiếng Thái (Promoaustrothai) đã giữ vai trò lãnh đạo trong vùng Đông Nam Á và vùng Nam Á Châu, mà dân tộc thực sự lãnh đạo văn hoá cũng như tiếng nói lãnh đạo ngôn ngữ ở vùng Đông Nam Á và Nam Á Châu chính thực là dân tộc Việt (xem lại Joseph Needham và gần đây Edwin George Pulleyblank trong The Origins 1983).

Từ thập niên 80 người ta lại lưu ý đến ngữ hệ Nam Á và ngữ hệ Nam Đảo (Lorraine 1984 - 1985) và người ta đề nghị nên quay lại giả thuyết mà Wilhelm Schmidt đã đưa ra từ năm 1906 về một ngữ hệ mang tên Austric bao trùm cả ngữ hệ Nam Á và Nam Đảo bởi chỉ với ngữ hệ Austric này người ta mới giải quyết được cả hai vấn đề :

- Một mặt là những mâu thuẫn của các học giả về quê hương của ngữ hệ Nam Đảo Có người cho nó ở ven biển Đông Nam Trung Hoa như Haudricourt (1954), Bellwood (1984 - 1985), hay ở lục địa Châu Á như Kern H. (1889), có người cho quê hương nó ở vùng hải đảo Đông Nam Á như W. G. Solheim II (1984-1985), William Mitcham (1984-1985).

- Mặt khác chỉ ngữ hệ Austric này mới xứng đáng đại biểu cho người Hoà Bình đã có sự phân bố rộng khắp vùng Đông Nam Á lên tận phía Bắc Trung Hoa Thiết tưởng giả thiết này sát với sự thực nhất vì không những nó phù hợp với những phát minh mới nhất của khảo cổ học, mà còn phù hợp với sự phát minh mới của cơ thể học và di truyền học DNA mà nhà bác học J. Y Chu mới tìm ra mấy năm gần đây (TS Tư Tưởng số 7 tháng 4/2000) như sẽ được trình bày rõ hơn ở phần dưới đây

Ngôn ngữ phát triển độc lập hay gắn liền với sự phát triển của văn hoá? Đã có học giả chủ trương tính độc lập của ngôn ngữ đối với văn hoá (E Sapir, 1921). Nhưng chủ trương này không được sự đồng ý của tuyệt đại đa số các học giả khác. Phần lớn đều cho có sự liên hệ chặt chẽ và hỗ tương giữa văn hoá và ngôn ngữ. Và phần lớn đều công nhận rằng khoảng từ 10.000 năm trở về trước đã có một nền văn hoá chung phân bố rộng khắp toàn vùng gọi là Văn Hoá Hoà Bình; những người của Văn Hoá Hoà Bình giống nhau về hình thức và có cùng tiếng nói Từ Hoà Bình họ phân bố đi khắp các nơi lên phía Bắc Quảng Đông, Quảng Tây, Phúc Kiến, Giang Tô lên đến tận Sơn Đông, phía Tây Bắc lên đến tận Tứ Xuyên, Quý Châu, về phía Nam ảnh hưởng đến tận Sa Huỳnh, Đồng Nai, sang vùng đất Thái Lan, Mã Lai đến tận Miến Điện, Nam Dương ngày nay và phía Đông sang Phi Luật Tân và một phần lên đến tận Nhật Bản nửa Thế rồi vì môi trường sinh hoạt, định cư ở những vùng khác nhau, thành lập những quốc gia khác nhau, nên những người đó dần dần nói những thứ tiếng khác nhau Việc đó xảy ra vào Thời Kỳ Đá Mới khoảng từ 10.000 năm cho đến 4.000 năm trước Kỷ Nguyên Chỉ đến những năm gần đây, khi di truyền học phát triển, người ta mới hiểu rõ một ngôn ngữ gốc bị tách ra làm nhiều ngành, không chỉ bởi văn hoá, mà chính là bởi đã có sự phân tách về di truyền DNA, do đó có sự thay đổi về chủng tộc kéo theo sự thay đổi về ngôn ngữ. Điều này sẽ được nói rõ hơn ở phần sau Gần đây, trong bài tham luận đăng trong The Origins, học giả William Mitcham đã viện dẫn những ý kiến của hai ông Mei Tsu Lin (1976) và J. Norman để chứng minh rằng tiếng Nam Đảo hay Nam Á do người Tiền Trung Hoa sử dụng ở dọc bờ biển phía Đông Trung Hoa thuộc giống người Hoà Di và giống người Từ Nhung từ lưu vực sông Hoà dọc xuống Giang Tô, Triết Giang, Quảng Đông, Quảng Tây là giống với tiếng mà người Cổ Việt sử dụng. Điều này có ý nghĩa quan trọng chứng minh sự đóng góp của người Hoà Bình trong việc xây dựng nên tiếng nói và con người Trung Hoa cổ đại

Tuy nhiên những từ như Nam Đảo, Nam Á hay Malanesian, Indonesian ... là những từ mà nghĩa của nó đã được dùng một cách khác nhau tùy tác giả và tùy thời gian Và chẳng nay đã có những nước mang tên Malaysia mà tiếng của họ là Malaysian, hay những nước như Indonesia mà tiếng của họ là Indonesian nên những từ đó dùng dễ bị hiểu theo nghĩa sai lầm, bởi vậy tưởng phải định nghĩa thật kỹ trước khi dùng những từ này Tại sao không dùng từ Proto-Việt để chỉ tiếng nói của người Hoà Bình thay cho những từ không rõ nghĩa như trên ?

TIẾNG NÓI DƯỚI ÁNH SÁNG CỦA KHOA HỌC

Trên đây là tóm lược sự phân vùng và sự phát triển của các họ ngôn ngữ ở Đông Nam Á và Đông Á. Đó là phạm vi lý thuyết.

Ngày nay, dưới ánh sáng của khoa cơ thể học, khảo cổ học và gần đây, khoa di truyền học DNA, vấn đề này đã được nhìn một cách rõ rệt hơn Không kể đến ảnh hưởng của môi sinh đối với tiếng nói, có ba vấn đề lớn cần làm sáng tỏ :

- Vấn đề thứ nhất : tiếng nói do đâu mà có ?

- Vấn đề thứ hai : Tiếng nói có tự bao giờ ?

- Vấn đề thứ ba : Có sự tương đồng nào (congruence) giữa sự biến đổi của tiếng nói và sự biến đổi của chủng tộc theo di truyền ?

Những vấn đề trên là những vấn đề chuyên môn hết sức phức tạp. Người viết chỉ xin trình bày những nét giản đơn nhất, cốt nói lên được các đặc tính của vấn đề.

Vấn đề thứ nhất : Tiếng nói do đâu mà có ?

Đọc loạt bài .Hành trang và hành trình vào văn hoá dân tộc. của GS. Trần Ngọc Ninh đăng trong TS Tư Tưởng từ số 6 tháng 2/2000, chúng ta đã thấy nhiều giống vật như chim, bướm, ong ... đã có những phương thức thông tin hết sức thông minh Nhưng những cách thông tin đó chưa phải là tiếng nói - trừ ngoại lệ như con vẹt có thể được ta huấn luyện để nói vài tiếng người - vì tiếng nói chỉ là đặc phẩm của con người Trước kia người ta cũng biết điều đó nhưng chưa giải thích tường tận được. Nay nhờ khoa học, người ta hiểu rằng tiếng nói tuy thuộc vào hai cơ năng : bộ óc và bộ phát âm (The Cambridge Encyclopedia of Human Evolution - từ trang 131).

Về vai trò của bộ óc trong việc thụ đắc tiếng nói, người ta đã biết hơn trăm năm trước nhờ công trình của nhà bác học người Pháp Paul Broca Nhưng óc con người là bộ phận hết sức tinh tế, hết sức phức tạp, không phải con người vừa sinh ra nó đã phát triển đầy đủ. Bởi vậy, trẻ nhỏ chưa nói được (dưới 1 tuổi) hay chưa làm chủ được tiếng nói (dưới 4 tuổi) vì bộ óc chưa phát triển đầy đủ. Về bộ phát âm còn phức tạp hơn vì nó bao gồm ba bộ phận chính : hạ tầng là phổi và các cơ bắp liên hệ, thượng tầng là hệ thống mũi, miệng, lưỡi và trung tầng, quan trọng nhất là thanh quản (larynx). Hình dưới đây cho thấy trẻ nhỏ hay loài hầu dũ có bộ mặt giống người lớn, nhưng không nói được vì thanh quản chưa được phát triển như người (lớn).

Vấn đề 2 : Tiếng nói có tự bao giờ ?

Trước đây đã có nhiều học giả trả lời cho câu hỏi này, nhưng thường là phỏng đoán, bởi tiếng nói con người bay đi, đâu có để lại dấu tích hoá thạch, như xương cốt chẳng hạn, để khoa khảo cổ có thể phát hiện được. Nhưng nhờ sự tiến triển của cơ thể học như đã nói ở trên và sự tiến bộ của khảo cổ học, căn cứ vào các sọ và các tư liệu khảo cổ học cung cấp người ta có thể phỏng đoán chính xác hơn về thời gian phát sinh ra tiếng nói Có hai giả thiết : giả thiết thứ nhất cho rằng con người bắt đầu nói được từ Thời Đại Đồ Đá Cũ (khoảng 150 năm trước Kỷ Nguyên), vì căn cứ vào những sọ người đào được chứng tỏ lúc đó con người đã có bộ óc phát triển đủ và bộ phát âm cũng đã hoàn chỉnh (fully descended vocal tract). Giả thiết thứ hai lạc quan hơn, cho rằng có thể từ thời Homo-Habilis (2 triệu năm) hay Homo-Erectus (1 triệu rưỡi năm) trước con người lúc đó cũng đã bắt đầu nói được vì bộ óc cũng đã khá phát triển.

Có một điều chắc chắn là tiếng nói của con người từ khởi thủy đến nay đã tiến triển qua nhiều giai đoạn, từ đơn sơ đến tinh tế, chứ không phải đã hoàn chỉnh ngay từ đầu Sở dĩ như vậy vì tiếng nói biến chuyển theo bộ óc và thanh quản, mà óc và thanh quản chỉ hoàn chỉnh dần dần chứ không phải đột nhiên được như ngày nay Có thể lấy sự phát triển tiếng nói của một đứa trẻ để hình dung ra sự tiến triển tiếng nói của loài người Darwin còn giả thiết, trong giai đoạn đầu, loài người chỉ bắt đầu biết nói dưới hình thức các câu hát, nhất là hát trong các buổi tế lễ.

Vấn đề thứ ba : Có sự tương đồng nào giữa sự biến đổi của tiếng nói và của tộc người theo di truyền ?

Câu trả lời là có, bởi hai sự tiến hoá này, tiến hoá của chủng tộc và của tiếng nói cùng đi theo một con đường lịch sử chung Một cách giản dị, người ta diễn tả sự tương đồng này như là sự .liên tục của một sự phân đội (as a sequence of fissions) - (In two or more population that have separated, there begins a process of differentiation of both gene an language) - [The History & Geography of Human Gene, Luca Cavalli - SFORZA, PAOLO MENOZZI, ALBATO TIAZZA p.380 -381].

Một lý do khác nữa là cả genes lẫn tiếng nói đều được truyền theo đường dọc từ cha mẹ đến con cái Có điều tiếng nói, rõ hơn là văn hoá, có thể được truyền theo nhiều cách khác nữa, nhất là trong các xã hội tân tiến. Ngày nay có những nơi không có sự liên hệ trực tiếp giữa ngôn ngữ và chủng tộc như ở Úc Đại Lợi, Nam Mỹ, Tân Guinea ... Đó là do có sự di trú ồ ạt, hoặc co,ù hoặc không có tổ chức.

Người ta cũng có thể thấy ở một xứ, như Canada, nơi nói tiếng Pháp (Quebec), nơi nói tiếng Anh (Maine) ... Đó lại là do kết quả sự thắng trầm của các đế quốc. Các diễn biến đó là diễn biến không tự nhiên Bỏ ra ngoài những yếu tố do con người áp đặt như vừa kể,và nếu cứ để lịch sử diễn tiến một cách tự nhiên, có lẽ nhận xét sau đây của nhà bác học Darwin vẫn là nhận xét hữu lý nhất : .If we possessed a perfect pedigree of mankind, a genealogical arrangement of the races of man would

afford the best classification of the various languages now spoken throughout the world; and if all extinct languages, and all intermediate and slowly changing dialects, were to be included such an arrangement would be the only possible one. (The Descent of Man (1871) - Ch. 14 on the Origin of Species (1859) - (Nếu chúng ta có được một bảng phả hệ hoàn chỉnh của loài người, thì bảng sắp xếp phả hệ các chủng tộc có thể là bảng phân loại tốt nhất cho các ngôn ngữ khác nhau đang được sử dụng trên khắp địa cầu Mọi ngôn ngữ dù đã bị biến mất hay các thổ ngữ đang bị biến đổi một cách chậm chạp cũng được bao gồm trong bảng phân loại này).

Quay lại sự phân loại các họ ngôn ngữ tại vùng Đông Nam Á, về phương diện lý thuyết như trên, ta thấy đầu tiên người ta chia ra bốn họ là : Nam Đảo (Austronesian), Nam Á (Austro-Asiatic), Tây-Thái (Tai-Kadai) và Miến-Tạng (Tibito-Buruman). Dần dần có lẽ thấy sự phân chia này chưa hợp lý. Paul K. Benedict là người đầu tiên đã đề nghị nhập hai họ Tai-Kadai và Austronesian vào một mà ông gọi là Proto-Austro-Tai hay PAT (1975). Những người dùng ngôn ngữ này căn bản là người trồng lúa nước, dùng trâu cày ruộng, đi thuyền, trồng mía, làm vườn, nuôi súc vật ... Xem như vậy, hình như chủng tộc nói tiếng này là người Hoà Bình, có thể coi là tổ tiên của nòi Việt mà sau này người ta gọi là đại tộc Bách Việt. Nhưng rồi người ta cũng nhận thấy ngôn ngữ PAT cũng chưa phản ánh đúng tiếng nói của người Hoà Bình. PAT còn phải bao gồm cả tiếng Nam Á (Austro-Asiatic) mà trước kia, từ 1906, Wilhelm Schmidt đã đề nghị mang tên Austric mới phản ánh đúng được tiếng nói của người Hoà Bình. Lý thuyết này xem ra đã được khoa học ngày nay công nhận.

Đến đây ta mới thấy lý thuyết về sự phát sinh ra tiếng nói và lý thuyết về sự biến đổi con người theo di truyền học DNA đã bổ túc cho nhau, ăn khớp nhịp nhàng với nhau; đúng với nhận xét cho rằng con người và ngôn ngữ cùng có một con đường lịch sử chung : tìm hiểu được con đường tiến hoá của tộc người là biết được con đường tiến hoá của ngôn ngữ, và ngược lại

Nhà bác học J. Y Chu, bằng di truyền học DNA, đã chứng minh được con người hiện đại phát sinh ở Đông Phi Châu đã theo đường Trung Đông đến Đông Nam Á qua ngã Nam Á. Rồi từ Đông Nam Á, họ tiến lên Trung Hoa theo đường ven biển qua Nhật Bản (lúc đó giữa đại lục và Nhật là giải đất liền) qua eo biển Beringia (lúc đó cũng là giải đất liền) để vào Mỹ Châu (The Nation Academy of Science - USA - Vol 95, issue 20 1763 -1768; 29/7/1990 - Xin xem TS Tư Tưởng số 7 tháng 4/2000). Ông J. Y Chu không ghi rõ năm tháng của sự di chuyển của giống người hiện đại này. Nhưng khảo cổ học, bằng vào những phương pháp mới đã tính ra Người Hiện Đại phát sinh ở Đông Phi khoảng 150.000 năm trước đây, đến Đông Nam Á khoảng 90.000 năm Một mặt họ qua Nam Dương rồi Bắc Úc (lúc đó là giải đất liền) khoảng 50.000 năm trước; một mặt họ lên Trung Hoa khoảng 35.000 năm trước, qua Nhật khoảng 30.000 năm trước và vượt eo Beringia đến Mỹ khoảng 30.000 năm trước (lúc đó cũng là giải đất liền).

Vậy lý thuyết về ngôn ngữ của Wilhelm Schmidt năm 1906 đã được khoa học ngày nay xác nhận là chính xác (xem đồ bảng trên) là phù hợp nhất với sự tiến triển của loài người hiện đại. Và nếu không có sự can thiệp và áp đặt của con người thì việc tìm hiểu sự phân phối và biến dạng của các của di dân trong từng chặng đường lịch sử, cũng như việc tìm hiểu sự phân bố và biến đổi của các ngôn ngữ cũng cho ta thấy y hệt con đường của di dân trong từng chặng đường lịch sử ấy. Trong phạm vi bài viết của chúng ta, con đường di dân theo genes (DNA) là con đường của người Hoà Bình từ Đông Nam Á lên Đông Á và ra Hải đảo Thái Bình Dương. Đó cũng là sự tiến triển của con đường ngôn ngữ Austric. Khi những người Hoà Bình đã biến đổi thành những tộc người khác mang những tên như Thái, Lào, Chàm hay Ngô, Việt, Sờ, Indonesian, Polynesian ... do sự biến đổi của gene (DNA), thì từ ngôn ngữ mẹ Austric, tiếng nói của các tộc người mới này cũng đã biến thành những ngôn ngữ khác nhau vậy.

Rõ ràng ta thấy ngôn ngữ và con người liên hệ mật thiết với nhau. Sự tìm hiểu ngôn ngữ sẽ bổ túc cho sự tìm hiểu về con người hay ngược lại vậy.

CHỮ VIẾT

Bài này đáng lẽ phải có cả phần viết về văn tự của người Việt thời Thái Cổ như đề tựa. Những tài liệu mới viết về nguồn gốc ngôn ngữ văn tự Đông Phương cho thấy những lý thuyết của các tác giả cổ điển, nhất là của GS. danh tiếng Maspéro, cho rằng tiếng Việt bắt nguồn từ tiếng Hán và chữ Nho là học được từ khi người Hán sang đô hộ Việt Nam đã càng ngày càng chứng tỏ không còn đúng với sự thực. Tuy nhiên, viết về chữ viết của người Việt thời Thái Cổ một cách nghiêm chỉnh là điều lúc này có lẽ cũng còn hơi sớm, còn cần thêm thời gian, và cần thêm nhiều dữ kiện. Ở đây, để tạ tội với Quý vị Độc giả nào đang chờ đọc phần chữ viết của người Việt thời Thái Cổ, tôi chỉ xin đưa ra vài bảng về hình tượng và về âm cổ của chữ viết được khảo cổ phát hiện trên vách đá hay xương cốt

cách đây trên nhiều ngàn năm trước khi có sự thành lập nên nhà nước Hoa, Việt, Nhật, Hàn là những nước trong một thời gian dài đều coi chữ Nho như là quốc tự của mình. Cần phải nói ngay rằng, những mẫu tự cổ dưới dạng Giáp Cốt này đã tìm thấy ở những miền khác nhau, từ cực Bắc đến cực Nam, từ miền Tây đến tận các hải đảo phía Đông trên đại lục Đông Á, lúc đó do các tộc người khác nhau chiếm ngụ, và chưa thành lập nên các nước mang tên Hoa, Việt, Nhật, Hàn như sau này

Đã có các bộ sách Grammata Serica Recensa và Sound & Symbol in Chinese của Bernard Karlgren do Oxford University Press in lại năm 1946. Gần đây, Trung Hoa và Đài Loan cũng vừa xuất bản các bộ sách nói về nguồn gốc chữ và âm cổ văn như Hán Tự Đích Cổ Sự của Thi Chánh Vũ; bộ Trung Văn Hình, Âm, Nghĩa Tổng Hợp Đại Từ Điển của học giả Cao Thọ Phan do Trung Hoa Thư cục Đài Loan xuất bản năm 1989 nói nhiều về nguồn gốc cũng như về cách phát âm của chữ Nho thời Thái Cổ.

Nghiên cứu các sách này có thể cho ta biết rõ cách phát âm của những chữ gọi là chữ Hán từ thời chưa phân chia ra các quốc gia như ngày nay Tôi tiếc chưa có thì giờ để làm việc này. Tạm thời ở đây, tôi xin phép được sử dụng ba bảng âm cổ của GS. Vũ Thế Ngọc để Quý vị Độc giả thấy qua cách phát âm của tiếng Hán thời trước. Cách phát âm này không giống cách phát âm ngày nay dù đối với người Hoa hay đối với người Việt. Điều cần lưu ý là âm Hán Việt ngày nay khác biệt hẳn âm Hán Việt cổ. Hai câu hỏi có thể đặt ra:

- Thứ nhất : Tại sao có nhiều âm cổ Hán Việt giống hệt như âm Nôm của người Việt vậy (dù có vài âm nay đã ít dùng)? Nói một cách khác, các cụ ta xưa có thể đã viết chữ Hán thoải mái như viết chữ mẹ đẻ, vì nói sao viết vậy

- Thứ hai : Tại sao âm Hán Việt đời sau lại đổi khác đi khiến phải đọc một đằng, viết một nẻo như vậy ?

Hai loại bảng này gợi cho tôi ý nghĩ phải chăng cái chữ gọi là chữ Nho hay chữ Hán này, ngày xưa tổ tiên mình đã có dự phần gây dựng lên Vì dựa vào hình dáng và âm thanh theo cảm quan của tộc Việt để tạo chữ nên hình như các cụ đã có thể nghĩ thế nào, nói thế nào thì viết vậy

Xin nói ngay đây chỉ là những ý nghĩ trần trở trong đầu từ lâu chứ chưa phải là khẳng định. Còn cần thêm nhiều dữ kiện. Và không ai muốn bị mang cái tiếng là sô-vanh văn hoá, một điều thật đáng chê trách. Rất mong được Quý vị Độc giả góp ý về vấn đề trọng đại này và nếu Quý vị nào có tài liệu liên hệ đến đề tài xin vui lòng sao gửi cho một bản.

Xin thành thực cảm ơn trước.

CUNG ĐÌNH THANH

(Xin đọc tiếp lời bạt trang 29)

Lời Bạt :

Để thay cho phần kết luận, tôi xin kể một mẩu chuyện trong buổi họp mặt tại nhà một vị trưởng thượng nhân chuyển đi thăm Hoa Kỳ mới đây. Khi bàn về tư tưởng Việt, tôi đề nghị nên nghiên cứu đến tư tưởng của tiền nhân trong các tác phẩm viết bằng chữ Nho ... Một vị trưởng thượng vốn là người có trách nhiệm điều khiển ngành Văn Khoa Saigon trước kia, nêu lên nguyên tắc đã được áp dụng một cách triệt để trong khoa học nhân văn Tây phương là : chỉ có thể coi thuộc văn hoá nói chung hay tư tưởng Việt nói riêng những tác phẩm viết bằng tiếng Việt. Tác phẩm viết bằng Hán văn phải trả về cho văn học tư tưởng Hán. Tôi đang cố chống chế một cách yếu ớt rằng, tất nhiên phải tôn trọng nguyên tắc này, nhưng cũng cần đặt ra câu hỏi là các cụ mình ngày xưa khi sáng tác có nghĩ mình đang viết bằng một thứ chữ vay mượn không ? Rất may, có anh bạn mới gặp, đang là chủ biên một nguyệt san, theo tôi, là một trong vài tập san hàng đầu trong sinh hoạt văn hoá nước nhà hiện nay, đã tiếp lời khẳng định: các cụ đã viết bằng thứ chữ các cụ cho là của tổ tiên mình. Lời khẳng định của anh căn cứ theo lời tổ phụ là nhà ái quốc Phạm Phú Thứ viết để lại Nhà sử học uy tín có mặt trong buổi họp đã yêu cầu anh kể lại ngọn nguồn câu chuyện hầu giúp tài liệu quý báu cho những nhà sử học cũng như ngữ học sau này. Chỉ tiếc buổi họp đã đến lúc giải tán nên anh chưa có thì giờ kể vào chi tiết. Nếu không phạm vào điều gì cấm kỵ, tôi mạn phép đề nghị Anh cho công bố những gì nhà ái quốc Phạm Phú Thứ đã viết liên hệ đến chữ Nho và lý do tại sao Người lại viết tác phẩm của mình bằng thứ chữ này. Những ai quan tâm đến văn hoá Việt chắc đều nóng lòng chờ đợi sự công bố của anh. Riêng tôi, tôi rất mong được đọc bài viết của anh để có thể hoàn tất bài viết của mình về chữ Việt thời Thái Cổ, nhờ vậy may ra bài tham luận có thêm sức thuyết phục.